

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~2010~~ /BGDDĐT-GDDH

V/v: Khảo sát tình hình việc làm của
sinh viên tốt nghiệp

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: - Giám đốc các đại học, học viện;
- Hiệu trưởng các trường đại học;
- Hiệu trưởng các trường cao đẳng sư phạm, trường trung cấp
sư phạm.

Để công tác khảo sát tình hình việc làm từ năm 2017 đối với sinh viên, học sinh chính quy (sau đây gọi chung là sinh viên) tốt nghiệp năm 2016 và các năm tiếp theo đi vào nề nếp và phát huy hiệu quả, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đại học, học viện, các trường đại học, các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm (sau đây gọi chung là các cơ sở đào tạo) triển khai khảo sát, báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2016 và các năm tiếp theo với các nội dung sau:

1. Mục đích khảo sát

- Khảo sát, báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong các căn cứ để các cơ sở đào tạo nghiên cứu, điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

- Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp là một trong các cơ sở để đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, đăng ký mở ngành đào tạo... đồng thời, để phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo quy định.

2. Yêu cầu khảo sát

2.1. Khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, lưu giữ các minh chứng và tài liệu thuộc hồ sơ lưu trữ theo quy định;

2.2. Đối tượng khảo sát: việc làm của sinh viên chính quy, tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học, cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm của năm học trước liền kề trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, theo từng ngành đào tạo;

2.3. Quy trình, cách thức, công cụ khảo sát do thủ trưởng các cơ sở đào tạo quyết định (phỏng vấn, Email, trực tuyến, điện thoại hoặc gửi tài liệu qua bưu điện...) và chịu trách nhiệm giải trình (kể cả khảo sát thông qua đơn vị trung gian ngoài cơ sở đào tạo);

2.4. Mẫu khảo sát phải được chọn ngẫu nhiên trong số sinh viên tốt nghiệp theo ngành đào tạo, đảm bảo tính đại diện cho số sinh viên tốt nghiệp về vùng miền, giới tính, độ tuổi...;

2.5. Số lượng sinh viên tốt nghiệp được khảo sát có phản hồi (tính theo ngành đào tạo) phải trong phạm vi mẫu khảo sát đã chọn; đảm bảo tỷ lệ phản hồi tối thiểu theo Phụ lục 1 (kèm công văn này). Nếu không đạt được tỷ lệ sinh viên có phản hồi theo quy định thì báo cáo của cơ sở đào tạo không đạt yêu cầu;

2.6. Việc xử lý dữ liệu kết quả khảo sát và thống kê số liệu phải có căn cứ khoa học và minh chứng. Sau mỗi lần khảo sát phải phân tích và đề xuất các vấn đề cần cải tiến đối với công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp; đề xuất đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

2.7. Báo cáo khảo sát sinh viên tốt nghiệp hàng năm theo từng ngành đào tạo là yêu cầu bắt buộc đối với các cơ sở đào tạo; phải được gửi về Bộ GDĐT, được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử (Website) và đưa vào đề án tuyển sinh hàng năm của cơ sở đào tạo; đồng thời, để phục vụ cho công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra theo quy định.

2.8. Báo cáo và các minh chứng kèm theo (theo Mục 3.1) phải được đưa vào hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đào tạo trong thời gian 05 năm, kể từ khi có kết quả khảo sát.

3. Nội dung báo cáo khảo sát

3.1. Báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bản in báo cáo tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp của các cơ sở đào tạo (có dấu, chữ ký của lãnh đạo cơ sở đào tạo) gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, gồm các nội dung sau:

a) Danh sách sinh viên tốt nghiệp theo ngành đào tạo được khảo sát theo mẫu tại Phụ lục 2 (gửi kèm công văn này);

b) Kế hoạch, mẫu khảo sát được chọn, quy trình khảo sát sinh viên tốt nghiệp; mẫu phiếu khảo sát, câu hỏi khảo sát; phân tích kết quả khảo sát đảm bảo độ tin cậy và giá trị khoa học (kèm theo minh chứng);

c) Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp theo ngành đào tạo theo mẫu tại Phụ lục 3 (gửi kèm công văn này);

d) Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong các năm học tiếp theo; Dự kiến cải tiến công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm sau (nếu có).

3.2. Nội dung công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

Các cơ sở đào tạo công khai tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của mình trước ngày 01 tháng 01 hàng năm (lưu trong mục công khai của website), gồm các nội dung sau:

a) Danh sách sinh viên tốt nghiệp hàng năm theo ngành đào tạo (theo mẫu biểu của cơ sở đào tạo);

b) Kế hoạch, mẫu khảo sát được chọn, quy trình khảo sát sinh viên tốt nghiệp;

c) Danh sách sinh viên tốt nghiệp được khảo sát: theo mẫu danh sách sinh viên tốt nghiệp của cơ sở đào tạo, có thêm các nội dung: Không phản hồi; có phản hồi (bao gồm có việc làm và chưa có việc làm)

d) Tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp: số lượng, tỷ lệ chung sinh viên tốt nghiệp có việc làm và tỷ lệ của từng ngành đào tạo.

4. Tổ chức thực hiện

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các cơ sở đào tạo hàng năm đều phải triển khai khảo sát và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trên cơ sở các nội dung hướng dẫn của công văn này.

Từ năm 2018 trở đi, các cơ sở đào tạo phải công bố tỷ lệ khảo sát sinh viên chính quy có việc làm sau khi tốt nghiệp của 2 năm trước liền kề trên trang thông tin điện tử và trong đề án tuyển sinh. Nếu cơ sở đào tạo không báo cáo, báo cáo không đạt yêu cầu, không công khai thông tin theo quy định thì không được thông báo tuyển sinh (Điều 3 Quy chế Tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

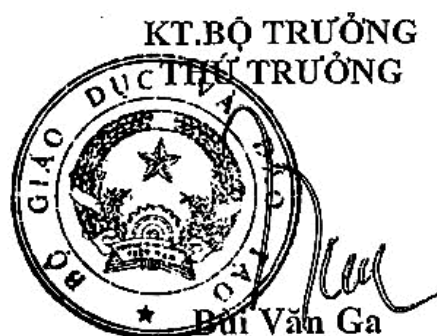
Sau khi hoàn thiện báo cáo, các cơ sở đào tạo liên hệ qua địa chỉ email baocaosvtn@moet.edu.vn nhận tài khoản và mật khẩu đăng nhập để nhập trực tuyến số liệu tổng hợp kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp của cơ sở đào tạo vào cơ sở dữ liệu chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời gian từ ngày 01 tháng 10 đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học), số 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội, trước ngày 01 tháng 01 hàng năm.

Nếu quá trình thực hiện có vướng mắc, tố cáo gian lận (nếu có) thì đề nghị phản ánh qua địa chỉ email nttthuy@moet.gov.vn để tổng hợp, xử lý.

Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu thủ trưởng các cơ sở đào tạo nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Chủ tịch phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh/thành phố;
- Các Bộ/ngành (để phối hợp chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ (để phối hợp chỉ đạo);
- Website Bộ GD&ĐT;
- Lưu VT, Vụ GDDH.



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số: 4919/BGDĐT-GDĐH ngày 10 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp được khảo sát cần có phản hồi
(tính theo ngành đào tạo)**

Tổng số SVTN	Tỷ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng sinh viên tốt nghiệp	Tổng số SVTN	Tỷ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng sinh viên tốt nghiệp	Tổng số SVTN	Tỷ lệ sinh viên cần có phản hồi/ tổng sinh viên tốt nghiệp
<=50	Tất cả sinh viên tốt nghiệp được khảo sát và phải có phản hồi				
[51-60]	87%	[371-380]	50%	[691-700]	35%
[61-70]	84%	[381-390]	50%	[701-710]	35%
[71-80]	83%	[391-400]	49%	[711-720]	35%
[81-90]	81%	[401-410]	49%	[721-730]	35%
[91-100]	80%	[411-420]	48%	[731-740]	34%
[101-110]	78%	[421-430]	47%	[741-750]	34%
[111-120]	77%	[431-440]	47%	[751-760]	34%
[121-130]	75%	[441-450]	46%	[761-770]	33%
[131-140]	74%	[451-460]	46%	[771-780]	33%
[141-150]	72%	[461-470]	45%	[781-790]	33%
[151-160]	71%	[471-480]	45%	[791-800]	33%
[161-170]	69%	[481-490]	44%	[801-810]	32%
[171-180]	68%	[491-500]	43%	[811-820]	32%
[181-190]	67%	[501-510]	43%	[821-830]	32%
[191-200]	66%	[511-520]	43%	[831-840]	31%
[201-210]	65%	[521-530]	42%	[841-850]	31%
[211-220]	64%	[531-540]	42%	[851-860]	31%
[221-230]	63%	[541-550]	41%	[861-870]	31%
[231-240]	62%	[551-560]	41%	[871-880]	30%
[241-250]	61%	[561-570]	40%	[881-890]	30%
[251-260]	60%	[571-580]	40%	[891-900]	30%
[261-270]	59%	[581-590]	39%	[901-910]	30%
[271-280]	58%	[591-600]	39%	[911-920]	29%
[281-290]	57%	[601-610]	39%	[921-930]	29%
[291-300]	56%	[611-620]	38%	[931-940]	29%
[301-310]	55%	[621-630]	38%	[941-950]	29%
[311-320]	55%	[631-640]	38%	[951-960]	29%
[321-330]	54%	[641-650]	37%	[961-970]	28%
[331-340]	53%	[651-660]	37%	[971-980]	28%
[341-350]	52%	[661-670]	36%	[981-990]	28%
[351-360]	52%	[671-680]	36%	[991-1000]	28%
[361-370]	51%	[681-690]	36%	>1000	25%

Ghi chú: Tỷ lệ SVTN được khảo sát được tính theo công thức $Z^2 \cdot (p) \cdot (1-p) / c^2$, trong đó độ tin cậy là 95% và sai số nghiên cứu cho phép là 5% (<https://www.surveysystem.com>)

TRƯỜNG

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Email:

[illegible]

..., ngày.....tháng..... năm 20.....

(Ký tên, đóng dấu)

(*) Trường hợp các ngành chưa có mã ngành thuộc danh mục cấp IV đề nghị ghi rõ tên chương trình đang đào tạo trong cột tên ngành

(**) Ghi rõ tên phương thức khảo sát như: Phiếu hỏi; email; phỏng vấn; trực tuyến;

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TRƯỞNG

PHỤ LỤC 3
TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 20...
(Kèm theo Công văn số: 2912/BGDDĐT-GDDH ngày 10 tháng 7 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Trình độ đào tạo:
Đường link đăng tải:
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Điện thoại: Email :

TT	Ngành đào tạo (*)		Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tổng số SVTN được khảo sát	Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi	Chia theo tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm(**)	Số SVTN có việc làm chia theo khu vực làm việc			
	Mã ngành	Tên ngành		Nam	Nữ			SL SVTN có việc làm	SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	SL SVTN chưa có việc làm		Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
											$=\frac{(9)+(10)}{(8)} \times 100$				
Tổng cộng:															

Ghi chú:

(*) Trường hợp các ngành chưa có mã ngành thuộc danh mục cấp IV đề nghị ghi rõ tên chương trình đang đào tạo trong cột tên ngành

(**) Tỷ lệ SVTN có việc làm được tính theo công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao / tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi) * 100

..., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)